

TIẾNG ANH 6 FRIENDS PLUS

NỘI DUNG BÀI HỌC

Tuần 3: 20/9-24/9

STARTER UNIT

LESSON 6: LANGUAGE FOCUS

I/ THIS / THAT / THESE / THOSE

1. Singular (số ít) : This (đây là một → chỉ vật gần)

That (kia là một → chỉ vật xa)

2. Plural (số nhiều) : These (đây là những → chỉ những vật gần)

Those (kia là những → chỉ những vật xa)

II/ HAVE GOT (CÓ)

1. Affirmative : I / You / We / They + **have got** ('ve got) a mobile. He / She / It + **has got** ('s got) a pet.

2. Negative : I / You / We / They + **have not** (haven't) a mobile. He / She / It + **has not** (hasn't) a pet.

3. Questions : **Have** + I / You / We got a mobile ?
Has + He / She / It got a pet ?

LESSON 7: VOCABULARY COUNTRIES AND NATIONALITIES

VOCABULARY

1. country (n) : đất nước
2. nationality (n) : quốc tịch
3. continent (n) : châu lục
3. Africa (n) : châu Phi
4. America : châu Mỹ
5. Asia : châu Á
6. Australasia : Châu Úc
7. Europe : châu Âu

LESSON 8: LANGUAGE FOCUS

I/ Question words: (từ để hỏi)

1. WHERE..... (đặt câu hỏi ở đâu ?)
2. WHAT (đặt câu hỏi cái gì ?)
3. WHO (đặt câu hỏi ai ?)

II/ Conjunctions: (liên từ)

1. AND : và
2. OR : hay là, hoặc
3. BUT : nhưng

UNIT 1: TOWNS AND CITIES

LESSON 1: VOCABULARY : Places in a town or city

VOCABULARY:

1. square (n) : quảng trường
2. restaurant (n) : nhà hàng
3. office building (n) : tòa nhà văn phòng
4. train station (n) : trạm xe lửa
5. bridge (n) : cái cầu
6. theatre (n) : rạp hát
7. sports centre (n) : trung tâm thể thao
8. library (n) : thư viện
9. bus station (n) : trạm xe buýt
10. cinema (n) : rạp chiếu phim
11. park (n) : công viên
12. shopping centre (n) : trung tâm mua sắm
13. market (n) : chợ
14. monument (n)
15. hotel (n) : khách sạn
16. flat (n) : căn hộ
17. street (n) : đường phố

LESSON 2: READING

A DESCRIPTION OF A CRUISE SHIP

VOCABULARY:

1. fantastic (adj): tuyệt vời
2. comfortable (adj): thoải mái
3. cabin (n): khoang tàu
4. passenger (n) : hành khách
5. chef (n): bếp trưởng
6. swimming pool (n): hồ bơi
7. climbing wall (n): tường leo

LESSON 3: LANGUAGE FOCUS

is there...? are there ...? how many...?

QUESTIONS:

Is there + singular Nouns (danh từ số ít) ?

Are there + plural Nouns (danh từ số nhiều) ?

How many + plural Nouns (danh từ số nhiều)?

PHIẾU HỌC TẬP

Tuần 3: 20/9-24/9

LESSON 6: LANGUAGE FOCUS:this/ that /these /have got

I. Choose the correct words:

1. **That** / **These** cousins are in Australia now.
2. Is **this** / **those** your pen under the teacher's chair ?
3. **This** / **These** present is nice.
4. **These** / **That** is Maria's dad, Bill.
5. Is **this** / **Are those** books on my desk yours ?

II/ Complete the dialogue with the correct forms of have got: Ben: It's Father's Day tomorrow you got a present for Dad ?

Maria: Yes, I I've got this about cooking.

Ben: Oh, that's nice. I ... got a present.

Maria: No? That's OK. We..... got an hour in town..... Dad got a good pen ?

Ben: Yes, he

Maria: OK, I..... got an idea. Look- These mobile phone covers aren't very expensive.

Ben: Mmm. Dad hasn't got a mobile cover.

Maria: Theygot really nice ones in this shop.

Ben: Thanks, Maria. That's a good idea.

LESSON 7: : VOCABULARY COUNTRIES AND NATIONALITIES

Match the countries (1,2,3...) with the continents (A,B,C...):

	Countries
1	Canada
2	Egypt
3	Italy
4	Japan
5	Morocco
6	New Zealand
7	Spain
8	Thailand
9	The Philippines
10	The UK
11	The USA
12	Vietnam

	Continents
A	Africa
B	America
C	Asia
D	Australasia
E	Europe

LESSON 8: LANGUAGE FOCUS

Complete the sentences with **and**, **or** and **but**:

1. Is her name Beth Bess ?
2. I speak English Japanese.
3. I've got a laptop..... I haven't any speakers.
4. Are you from the UK the USA?

UNIT 1: TOWNS AND CITIES
LESSON 1: VOCABULARY : Places in a town or city

Read the clues and write the places:

cafe - flats - office building – school - shopping centre
sports centre – street - theatre

1. There are desks, board and a lot of students here. _____
2. This place has got tables, chairs and good coffee too. _____
3. There are good actors here ! _____
4. These are people's home. There are a lot of these in one building. _____
5. This is a road in a town. There are cars and buses here, and houses too. _____
6. This is a good place for people interested in basketball. _____
7. There are different shops here. _____
8. People work here. There are a lot of computers and desks. _____

**LESSON 2: READING A
DESCRIPTION OF A CRUISE SHIP**

Read the text “ City on the sea “ and answer the questions:

1. What's the name of the ship?
2. How many people work on the ship?
3. How many chefs are there on the ship?
4. Is it the only ship with a park ?
5. What's in the sports area ?

LESSON 3: LANGUAGE FOCUS
is there...? are there ...? how many...?

Complete the questions with Is there... Are there ... or How many ...?

1. _____ any trees in your town or city ?
2. _____ a park or a sports centre ?
3. _____ swimming pool are there ?
4. _____ any exciting places for young people ?
5. _____ people live in your town or city ?

PHIẾU HỖ TRỢ HỌC SINH TỰ HỌC TẠI NHÀ

TRƯỜNG : THCS NGUYỄN HUỆ Q4

LỚP :

HỌ TÊN :

MÔN ANH	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HS